

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-7-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tùng.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Phạm Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Bình Đông A, xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp Bình Đông A, xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh T và chị X vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Phạm Thanh T trình bày:

Anh và bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim X kết hôn vào năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại ấp Bình Đông A, xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, anh và chị X đã xảy ra mâu thuẫn do chị X có quan hệ tình cảm với người khác. Anh và chị X không chung sống với nhau từ ngày 07/02/2022 cho đến nay. Giữa anh và chị X không có nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết

cho anh được ly hôn với chị X.

Anh và chị X có 01 người con chung tên là Phạm Thanh P, sinh ngày 20/7/2014, hiện do anh đang nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng cho con.

Anh và chị X không có tài sản chung, nợ chung.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Chị và anh T sống chung từ năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu B, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi cưới nhau, anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 07/02/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Chị và anh T có 01 người con chung tên là Phạm Thanh P, sinh ngày 20/7/2014. Chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con. Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung.

Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã nhận tài liệu, chứng cứ mà anh T yêu cầu Tòa án gửi cho chị. Chị không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ mà anh T đã giao nộp. Chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không có yêu cầu phản tố. Hiện chị đi làm xa, không xin nghỉ phép được nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì chị đã đồng ý ly hôn và chấp nhận tất cả các vấn đề mà anh T đưa ra trong đơn khởi kiện nên chị yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Chị cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn anh T thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị X đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thanh T. Anh Phạm Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim X.

- Về con chung: giao cháu Phạm Thanh P, sinh ngày 20/7/2014 cho anh Phạm Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng cho con: ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Kim X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Phạm Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim X. Chị X cư trú tại xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Anh T và chị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị X tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 05 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, căn cứ theo lời trình bày của anh T, chị X và Biên bản xác minh ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, xét thấy giữa anh T và chị X đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được, anh chị không chung sống cùng nhau từ ngày 07 tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Với yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị X đồng ý ly hôn với anh T. Như vậy, giữa anh T và chị X không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đồng thời anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh T và chị X lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T để giải quyết cho anh T được ly hôn với chị X.

[3] Về con chung: căn cứ vào hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh T và chị X, xét thấy anh T và chị X có 01 người con chung là Phạm Thanh P, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2014, hiện cháu P đang sống với anh T. Anh T và chị X đều thống nhất sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ là muốn được sống với cha.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh T có quyền yêu cầu chị X thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu P. Tuy nhiên do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận anh T và chị X cùng trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh T. Anh Phạm Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim X.

2. Về con chung: anh Phạm Thanh T và chị Nguyễn Thị Kim X có 01 người con chung tên là Phạm Thanh P, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2014.

Giao cháu Phạm Thanh P, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2014 cho anh Phạm Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc anh Phạm Thanh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim X cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Kim X có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận anh Phạm Thanh T và chị Nguyễn Thị Kim X cùng trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Phạm Thanh T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008106 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử P thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền